

Số: 99/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
**V/v Thông qua Đề án điều chỉnh Chương trình phát triển
đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị năm 2009;

Căn cứ các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 25/5/2016: Số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị; Số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 09/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 06/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Xét Tờ trình số 128/TTr-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị tỉnh Bắc Ninh đến năm 2030 với các nội dung chính như sau:

1. Mục tiêu:

- Phát triển hệ thống đô thị Bắc Ninh theo mục tiêu xây dựng tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022, hướng tới đô thị “Văn hóa, sinh thái, kinh tế tri thức, đô thị thông minh”

- Làm cơ sở pháp lý cho việc xem xét, đề nghị nâng loại các đô thị theo quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị.

- Kiểm soát phát triển hệ thống đô thị theo phân loại, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nâng tỉ lệ đô thị hóa trên địa bàn tỉnh. Các đô thị được phân bố và phát triển hợp lý theo vị trí tính chất chức năng của mình trong giai đoạn trước mắt và tương lai. Đồng thời phát huy đầy đủ các thế mạnh và vai trò hạt nhân trong phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh.

- Phát triển đô thị gắn với việc phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bảo vệ cảnh quan, môi trường; đầu tư hợp lý phát triển các đô thị huyện lỵ với việc khai thác các lợi thế tiềm năng vốn có của địa phương.

- Lập danh mục thứ tự ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng đô thị và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật kết nối đô thị với các khu vực phát triển trong vùng theo kế hoạch cho từng giai đoạn phát triển đảm bảo phù hợp với quy hoạch chung đô thị và các quy hoạch phát triển ngành.

2. Đánh giá các đô thị hiện hữu theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13:

Hiện tại, có thành phố Bắc Ninh là đô thị loại I với 92,83/100 điểm; thị xã Từ Sơn là đô thị loại IV, đánh giá đạt 91,27/100 điểm so với tiêu chí đô thị loại III, dự kiến trong quý III/2018 được Bộ Xây dựng công nhận là đô thị loại III; các đô thị (Tiên Du, Quế Võ, Yên Phong, Thuận Thành) còn lại là loại V, đánh giá theo tiêu chí đô thị loại IV đạt từ 77,47/100 đến 85,17/100 điểm; đô thị Gia Bình và Thứa là đô thị loại V đạt từ 82,49/100 đến 87,09/100 điểm.

Các đô thị này có từ 30 – 35/59 tiêu chuẩn đạt ngưỡng cao và 13/59 tiêu chuẩn chưa đạt điểm, điểm yếu gồm:

- Mật độ dân số toàn đô thị;
- Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích xây dựng đô thị;
- Công trình thể dục thể thao cấp đô thị;
- Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng;
- Mật độ đường giao thông (tính cho đường có bề rộng lòng đường $\geq 7,5\text{m}$);
- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng;
- Cấp điện sinh hoạt;
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng;
- Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật;
- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác;

- Đất cây xanh toàn đô thị;
- Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị;
- Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính.

3. Đánh giá đô thị Bắc Ninh theo tiêu chí đô thị loại I trực thuộc trung ương (đô thị toàn tỉnh, trong đó nội thị là các địa phương phía Bắc và ngoại thị là phía Nam Sông Đuống):

a) Cơ cấu trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt ở mức cao ở 11/59 tiêu chuẩn chính gồm:

- Cân đối thu, chi ngân sách dư và điều tiết ngân sách về Trung ương;
- Thu nhập bình quân đầu người/năm gấp 1,9 lần bình quân cả nước (Năm 2017 GRDP của tỉnh Bắc Ninh đạt 5.766 USD/người/năm, gấp 2,5 thu nhập bình quân của cả nước);
- Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất đạt bình quân của cả nước: Bắc Ninh luôn có tốc độ tăng trưởng kinh tế thuộc top đầu cả nước, bình quân giai đoạn 2010-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của tỉnh đạt khoảng 13%/năm (bình quân của cả nước trong giai đoạn này là 5,82%);
- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất đạt bình quân của cả nước: Tỷ lệ hộ nghèo năm 2017 của tỉnh Bắc Ninh giảm còn 2,06% (tính theo chuẩn nghèo mới), trong khi của cả nước là 4,5%;
- Tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong cơ cấu kinh tế đạt 97% (năm 2017);
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn đô thị (yêu cầu 65-75%): Đạt 80%;
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp trong nội thành, nội thị (yêu cầu 85-90%): Đạt 93%.

b) Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị

- 33/59 tiêu chuẩn đạt điểm;
- 15/59 tiêu chuẩn điểm chưa đạt điểm.

4. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2022	Năm 2030
1	Mật độ dân số toàn đô thị (yêu cầu 2.000-3.000)	Người/km ²	2.116	2.350	2.600
2	Mật độ dân số khu vực nội thành, nội thị tính trên diện tích xây dựng đô thị (yêu cầu 10.000-12.000)	Người/km ²	2.502	3.050	5.000
3	Công trình thể dục thể thao cấp đô thị (yêu cầu 7-10)	Công trình	3	8	10

4	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (yêu cầu 16-24)	%	14,4	18	20
5	Mật độ đường giao thông (tính cho đường có bề rộng lòng đường $\geq 7,5m$) – yêu cầu 10-13	Km/km ²	5,47	10	12
6	Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng (yêu cầu 15-20)	%	14,3	18	25
7	Cấp điện sinh hoạt (yêu cầu 850-1000)	Kwh/người/năm	752	950	1100
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (yêu cầu 95-100)	%	93,8	95	100
9	Cấp nước sinh hoạt (yêu cầu 120-130)	l/người/ngđ	86,6	120	130
10	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (yêu cầu 95-100)	%	93,8	96	98
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (yêu cầu 40-50)	%	15,9	28	40
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý tại khu chôn lấp hợp vệ sinh hoặc tại các nhà máy đốt, nhà máy chế biến rác (yêu cầu 80-90)	%	55,6	90	95
13	Đất cây xanh toàn đô thị (yêu cầu 10-15)	m ² /người	5,9	10	12
14	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thành, nội thị (yêu cầu 5-6)	m ² /người	3,42	5	5,5
15	Tỷ lệ tuyến phố văn minh/tổng số đường chính (yêu cầu 50-60)	%	34	55	70

5. Lộ trình nâng loại đô thị toàn tỉnh:

Giai đoạn 2018-2022 ưu tiên phát triển đô thị xây dựng Bắc Ninh thành vùng đô thị lớn - Thành phố trực thuộc Trung ương đến năm 2022 trong đó có 5 quận nội thành (gồm 5 đơn vị hành chính cấp huyện phía Bắc Sông Đuống) và 3 huyện ngoại thành (Nam Sông Đuống) cụ thể như sau:

- Trước mắt ưu tiên một số xã trên địa bàn thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn nâng cấp thành phường;

- Năm 2018, nâng loại đô thị Từ Sơn lên loại III, công nhận 01 đô thị mới loại V (Nhân Thắng, huyện Gia Bình);

- Năm 2019, nâng loại 03 đô thị lên loại IV (Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ);

- Năm 2020, nâng loại đô thị Thuận Thành lên loại IV;

- Năm 2021, công nhận đô thị Bắc Ninh (đô thị lõi) trở thành đô thị loại I trực thuộc trung ương.

Giai đoạn 2023-2030 sau khi toàn tỉnh Bắc Ninh trở thành đô thị trực thuộc trung ương: Đầu tư xây dựng các công trình kết nối các đô thị, các công trình hạ tầng đô thị theo quy hoạch, Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt và đề nghị công nhận các đô thị mới là đô thị loại V (gồm: Đô thị Trung Kênh, huyện Lương Tài vào năm 2023, đô thị Cao Đức, huyện Lương Tài vào năm 2025). Đầu tư các dự án phát triển đô thị trong khu vực phát triển đô thị đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt. Tiếp tục cải tạo, điều chỉnh quy hoạch các đô thị vệ tinh theo tiêu chí về phân loại đô thị. Theo đó, công nhận đô thị Trung Kênh, huyện Lương Tài và Cao Đức, huyện Gia Bình lên đô thị loại V. Ngoài năm 2030 nâng cấp đô thị Gia Bình và Lương Tài lên đô thị loại IV.

Các mốc thời gian nâng loại đô thị ở trên có điều chỉnh so với Quyết định số 338/QĐ-UBND ngày 04/8/2014 như sau:

- Điều chỉnh rút ngắn thời gian nâng loại đô thị lõi lên loại I trực thuộc trung ương từ năm 2025 xuống năm 2022;
- Điều chỉnh rút ngắn thời gian nâng loại đô thị Thuận Thành lên loại IV từ năm 2022 xuống năm 2020;
- Điều chỉnh rút ngắn thời gian nâng loại đô thị Trung Kênh, huyện Lương Tài lên loại V từ năm 2027 xuống năm 2023;
- Điều chỉnh rút ngắn thời gian nâng loại đô thị Cao Đức, huyện Gia Bình lên loại V từ năm 2028 xuống năm 2025.

6. Các nhóm dự án đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn:

- Ưu tiên 1: Đầu tư xây dựng hạ tầng khung cấp vùng tỉnh gồm hạ tầng kỹ thuật (các tuyến đường giao thông ĐT295C, ĐT282, ĐT276, ĐT287, đường H ...; cấp điện cao thế; nâng công suất, mở rộng các nhà máy nước Tri Phương, nhà máy nước mặt thành phố Bắc Ninh ...; dự án điện rác tại xã Phù Lãng, huyện Quế Võ và dự án xử lý chất thải rắn Yên Phong...; nghĩa trang tập trung tại xã Nguyệt Đức, huyện Thuận Thành; dự án Logistic tại các huyện Quế Võ và Tiên Du); các dự án hạ tầng xã hội (Hạ tầng khu đại học tập trung; bệnh viện quy mô lớn tại khu đô thị mới Nam Sơn; khu liên hiệp thể dục thể thao cấp vùng thủ đô Hà Nội; các khu du lịch tâm linh, sinh thái Phật Tích, núi Dạm, Lăng Kinh Dương Vương, khu đô thị sinh thái quy mô 1400ha tại Tiên Du và Từ Sơn, các dự án trung tâm thương mại, khách sạn cao cấp ...)

- Ưu tiên 2: Đầu tư hạ tầng cấp đô thị:

+ Đầu tư xây dựng hạ tầng khung cấp đô thị để đưa các đô thị hiện hữu nâng cấp thành Quận, thị xã theo Chương trình phát triển đô thị đã được phê duyệt;

+ Nâng cấp các xã trong phạm vi đô thị lõi lên phường.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai giải pháp đầu tư xây dựng các dự án để nâng cấp các đô thị theo Chương trình phát triển đô thị *Nb*

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XVIII, kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 17/4/2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./

Nơi nhận:

- UBTVQH, CP (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Hương Giang